

Số: 1417/QĐ-THADS

Phú Thọ, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
9 tháng năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ các Quyết định về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ tình hình thực hiện thu, chi dự toán ngân sách nhà nước, thu - chi phí thi hành án và nguồn khác của đơn vị 9 tháng năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH;

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách; tình hình thu, chi phí thi hành án và nguồn khác của đơn vị 9 tháng năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: Trên trang thông tin điện tử của THADS tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán, các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Cục Quản lý THADS (đề b/c);
- Trưởng THADS tỉnh (đề b/c);
- Các Phó trưởng THADS (đ/b);
- Trang TTĐT (đăng tải);
- Lưu :VT, TCKT (NS).

KT. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Ngô Mạnh Cường

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ
Chương: 014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT - BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng năm 2025 như sau

ĐV tính: VNĐ

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	4,713,000,000	6,514,068,067	138%	-
1	Phí thi hành án	1,178,250,000	1,628,517,017	138%	-
1.1	Nộp NSNN	942,600,000	1,302,813,613	138%	
1.2	Trích lại sử dụng	2,592,150,000	3,582,737,437	138%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2,592,150,000	3,156,366,691		
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính	2,592,150,000	3,156,366,691	122%	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2,592,150,000	3,156,366,691	122%	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	942,600,000	1,302,813,613	138%	
1	Phí thi hành án	942,600,000	1,302,813,613	138%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	232,306,940,559	191,385,852,341	89.58%	-
1	Chi quản lý hành chính	232,152,940,559	191,374,852,341	82.43%	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	90,914,905,397	61,605,758,987	67.76%	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12,970,281,000	1,501,339,192	11.58%	
1.3	KP chi tính gián biên chế (NĐ 178)	128,267,754,162	128,267,754,162	100.00%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	154,000,000	11,000,000	7.14%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	154,000,000	11,000,000	7.14%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				